TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG TRẠCH** TỈNH QUẢNG BÌNH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 27/8/2020
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Phương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phan Xuân Lợi
2. Ông Nguyễn Duy Phú

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thùy Linh - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Quảng Trạch

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch tham gia phiên toà: Không.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Phan Thị H, sinh năm 1984
Địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình
2. Bị đơn: anh Nguyễn Tiến A, sinh năm 1982
Địa chỉ: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình

Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/5/2020, bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Phan Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Tiến A có quá trình tìm hiểu tự nguyện đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Quảng Phú, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc một thời gian đến năm 2010 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng đã thuận tình ly hôn và Tòa án đã ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 66/2010 ngày 12/8/2010. Tuy nhiên sau đó vợ chồng cảm thấy vẫn còn tình cảm với nhau nên ngày 24/02/2014 vợ chồng đã đăng ký kết hôn lại tại UBND xã

Thuận Hóa, huyện Tuyên Hóa, tỉnh Quảng Bình. Sau khi đăng ký kết hôn lại, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau và có thêm 01 con chung. Tuy nhiên sau đó vợ chồng vẫn tiếp tục mâu thuẫn với nhau chị H đã cố gắng để cải thiện tình trạng vợ chồng nhưng không có kết quả. Chị H thấy vợ chồng không còn tình cảm nên quyết định ly hôn với anh Nguyễn Tiến A.

Về con chung, quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 21/12/2006 và Nguyễn Hạo N, sinh ngày 10/6/2013. Sau khi kết hôn chị H có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Tường V và giao cháu Nguyễn Hạo N cho anh A trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải đóng góp cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H trình bày do điều kiện công việc và phương tiện đi lại khó khăn nên chị không thể có mặt tại Tòa án để tham gia các phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án ly hôn với anh An và xin phép được vắng mặt trong các phiên hòa giải cũng như phiên xét xử vụ án. Chị H đã có đơn xin xét xử vắng mặt (có công chứng tại văn phòng Công chứng số 1 tỉnh Bình Dương).

Trong bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt ngày 09/6/2020, bị đơn anh Nguyễn Tiến An trình bày: Anh và chị Phan Thị H có quá trình tìm hiểu tự nguyện đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 08/9/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên vợ chồng đã ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch vào năm 2010. Tuy nhiên sau đó vợ chồng đã đăng ký kết hôn lại tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Sau khi đăng ký kết hôn lại, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì tiếp tục mâu thuẫn với nhau, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp nên đã xảy ra cãi vả và ly thân từ tháng 6/2017 đến nay, chị H làm đơn xin ly hôn thì anh An đồng ý.

Về con chung, quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 21/12/2006 và Nguyễn Hạo N, sinh ngày 10/6/2013. Sau khi kết hôn anh A có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hạo N và giao cháu Nguyễn Ngọc Tường V cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải đóng góp cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh An trình bày anh đã nhận được các tài liệu chứng cứ do chị H gửi đến, anh không có ý kiến hay yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập và cũng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì. Anh A cũng đã nhận được các giấy tờ do Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch gửi đến nhưng vì lý do công việc nên không thể có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án và xin phép được vắng mặt trong phiên xét xử vụ án.

Anh A đã có đơn xin xét xử vắng mặt (có xác nhận của UBND xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tình cảm: chị Phan Thị H và anh Nguyễn Tiến A đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình vào ngày 24/02/2014, vì vậy quan hệ hôn nhân hoàn toàn hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị H và anh A chung sống hạnh phúc một thời gian, tuy nhiên trong thực tế đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã ly thân từ tháng 6 năm 2017 cho đến nay. Chị H và anh A đều trình bày không còn tình cảm với nhau và mong muốn xin được ly hôn để sớm ổn định cuộc sống của bản thân. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh A đã trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, xét xử cho chị H được ly hôn với anh A. Tại phiên tòa vắng mặt nguyên đơn chị Phan Thị H và bị đơn anh Nguyễn Tiến A tuy nhiên chị H và anh A có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt chị Phan Thị H và anh Nguyễn Tiến A

[2] Về quan hệ con chung: Quá trình giải quyết vụ án chị H và anh A đều trình bày quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 21/12/2006 và Nguyễn Hạo N, sinh ngày 10/6/2013. Sau khi kết hôn chị H và anh An thống nhất giao cháu Nguyễn Hạo Nam cho anh An trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Ngọc Tường V cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải đóng góp cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 110 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự.

[3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Quá trình giải quyết vụ án chị H và anh An trình bày vợ chồng tự thỏa thuận giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Phan Thị H phải nộp tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83, 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt chị Phan Thị H và anh Nguyễn Tiến A

2. Về quan hệ tình cảm:

Cho ly hôn giữa chị Phan Thị H và anh Nguyễn Tiến A

3. Về quan hệ con chung: Giao con chung Nguyễn Hạo N, sinh ngày 10/6/2013 cho anh Nguyễn Tiến A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 21/12/2006 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải đóng góp cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét

5. Về án phí: Buộc chị Phan Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước. Số tiền án phí chị H phải nộp được trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch theo biên lai số 0007353 ngày 13/5/2020. Chị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND xã Thuận Hóa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**